

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2023
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hoàng Nghiệp;
- Ông Phan Phước Tân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 06, khóm CT3, phường CPB, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Duy K1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 33, khóm TK, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Trương Thị K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Duy K1 vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Trương Thị K; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị K và ông Huỳnh Duy K1 tự tìm hiểu, quen biết, sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào cùng năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu

thuần về tiền bạc, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến không hạnh phúc. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông K1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020, con chung hiện đang sống cùng với ông K1. Sau khi ly hôn bà K đồng ý giao cháu Huỳnh Duy P cho ông K1 được tiếp tục nuôi dưỡng và bà K không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Huỳnh Duy K1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/4/2023 nhưng ông K1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K1, ông K1 cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 25/4/2023, bà K có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận đi làm ăn xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà K giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 666/TLKH-BS ngày 17/12/2019; Bản photo căn cước công dân mang tên Trương Thị K; Bản sao giấy khai sinh tên Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020; bản chính Đơn yêu cầu ngày 25/4/2023.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/4/2023; bản chính Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 25/5/2023 của Công an thị trấn LB, huyện AP; biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/5/2023.

Tại phiên tòa, do bà K và ông K cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/4/2023, ông Trương Văn N, sinh năm 1948 là cha ruột của bà Trương Thị K, còn Huỳnh Duy K1 là con rể của ông N, ông N biết rõ về mâu thuẫn vợ chồng của bà Trương Thị K và Huỳnh Duy K1 nên ông N yêu cầu Tòa án ghi nhận lời khai của ông N. Về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà K và ông K1, về con chung thì ông N trình bày thống nhất với bà K. Về tài sản chung và nợ chung thì ông N không rõ.

- Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ngày 25/5/2023 của Công an thị trấn LB, huyện AP thì ông Huỳnh Duy K1, sinh ngày 10/01/1995, nơi thường trú và nơi ở hiện tại cùng ở địa chỉ: Tổ 33, khóm T K, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/5/2023, bà Trần Thị H cho biết: Bà H là mẹ ruột của ông Huỳnh Duy K1, bà H có nhận thay ông K1 các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho ông K biết, nhưng do ông K1 đang đi làm thuê nên không đến Tòa án để giải quyết. Bà K và ông K1 tự tìm hiểu, sau đó được

gia đình cho tổ chức lễ cưới vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn vào cùng năm. Sau khi kết hôn thì cả hai chung sống cùng bà H. Quá trình cả 02 chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng bà H không rõ mâu thuẫn là gì. Đến năm 2021 thì cả hai về nhà bà K chung sống một thời gian, sau đó K trở về nhà bà H chung sống cho đến nay. Cả 02 chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020, con chung hiện đang sinh sống cùng bà H và ông K1. Việc bà K và ông K1 ly hôn thì bà H không có ý kiến.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Huỳnh Duy K1 vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà K và ông K1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 01 đứa con chung tên Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020 hiện đang sống chung với ông K1. Sau khi ly hôn bà K đồng ý giao con chung cho ông K1 được tiếp tục nuôi dưỡng, bà K không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông K1 không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Huỳnh Duy K1 vắng mặt không lý do; đồng thời, ông K1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông K1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Trương Thị K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Huỳnh Duy K1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 6, khóm T K, thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông K1 tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào cùng năm 2019. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc. Từ đó, bà K và ông K1 sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Những mâu thuẫn của cả bà K và ông K1 được cha mẹ hai bên xác nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà K và ông K1 chung sống phát sinh mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020. Con chung hiện đang chung sống với ông K1.

Xét thấy con chung sinh sống cùng ông K1 từ trước cho đến nay và bà K cũng đồng ý giao con chung cho ông K1 được tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để ông K1 được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà K về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định bà K không cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Trương Thị K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Huỳnh Duy K1. Ngược lại, ông Huỳnh Duy K1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trương Thị K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông Huỳnh Duy K1 có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Trương Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Huỳnh Duy K1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà K và ông K1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị K được ly hôn với ông Huỳnh Duy K1.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Duy K1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Huỳnh Duy P, sinh ngày 27/5/2020. Bà Trương Thị K không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Trương Thị K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Huỳnh Duy K1. Ngược lại, ông Huỳnh Duy K1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Trương Thị K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Trương Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008195 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Huỳnh Duy K1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Trương Thị K và ông Huỳnh Duy K1. Bà K và ông K1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn LB, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 666/TLKH-BS ngày 17 tháng 12 năm 2019) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND thị trấn LB, huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuân